| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN QUỲNH PHỤ**<br>**TỈNH THÁI BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 02 năm 2024
*"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Quốc Doanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Đoan
2. Ông Vũ Văn Sâm

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Hướng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 19/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Văn H, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thôn N, xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

*(Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị P vắng mặt không có lý do)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn anh Vũ Văn H có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại đơn xin xét xử vắng mặt như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị P tự do, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn anh H là bộ đội đóng quân tại Lữ đoàn X, quân khu Y, địa chỉ thôn Đ xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh còn chị P ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn A, xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống đến tháng 11 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng ly thân từ tháng

11/2022 đến nay mỗi người sống một nơi. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ giải quyết cho anh được ly hôn chị P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Hà Phương T, sinh ngày 30/8/2015; Vũ Hà Anh T2, sinh ngày 09/11/2018, hiện đang ở cùng chị P. Ly hôn anh H đề nghị giao 02 con chung cho chị P nuôi dưỡng, anh nhận cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/con/tháng; 2 con là 4.000.000 đồng/02con/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2024 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Bị đơn chị Nguyễn Thị P vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

*- Tại biên bản lấy lời khai cháu Vũ Hà Phương T trình bày:* Cháu Vũ Hà Phương T, sinh ngày 30/8/2015 là con đẻ của anh Vũ Văn H và chị Nguyễn Thị P. Hiện cháu T đang học lớp 3A trường Tiểu học và trung học cơ sở xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Nếu anh H, chị P ly hôn thì cháu T có nguyện vọng ở cùng chị Nguyễn Thị P.

*- Tại biên bản xác minh với gia đình chị Nguyễn Thị P thể hiện:* Anh Vũ Văn H và chị Nguyễn Thị P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A vào ngày 20/12/2013. Sau khi kết hôn, chị P chung sống tại gia đình tại thôn A, xã A còn anh H là bộ đội đóng quân tại tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng anh H, chị P có mâu thuẫn hay không thì gia đình không nắm được, hiện vợ chồng anh H, chị P đã sống ly thân mỗi người một nơi. Nay anh H có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh H, chị P có 02 con chung là Vũ Hà Phương T, sinh ngày 30/8/2015; Vũ Hà Anh T2, sinh ngày 09/11/2018, hiện 02 con chung đang ở cùng chị P, ly hôn đề nghị giao 02 con chung cho chị P nuôi dưỡng. Về tài sản chung: không có.

Hiện nay chị P vẫn sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị P đang làm công nhân tại xã A, huyện Quỳnh Phụ, sáng đi làm tối về gia đình. Gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị P, quan điểm của chị P là chị không đến Tòa án làm việc, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*- Tại biên bản xác minh với cơ sở thôn A, cán bộ tư pháp xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thể hiện:*

Anh Vũ Văn H và chị Nguyễn Thị P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A vào ngày 20/12/2013. Sau khi kết hôn, anh H là bộ đội đóng quan tại tỉnh Quảng Ninh, còn chị P chung sống tại gia đình bố mẹ đẻ ở thôn A, xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì cơ sở thôn không nắm rõ. Hiện nay anh H và chị P đã sống ly thân mỗi người một nơi. Nay anh H có đơn xin ly

hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh H và chị P có 02 con chung là Vũ Hà Phương T, sinh ngày 30/8/2015; Vũ Hà Anh T2, sinh ngày 09/11/2018 hiện đang ở cùng chị P, ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và theo nguyện vọng các bên. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

*- Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa anh Vũ Văn H và chị Nguyễn Thị P là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã A, huyện Quỳnh Phụ nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị P như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa… Tại phiên tòa ngày 05/02/2024, chị P vắng mặt không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa, ấn định lại thời gian xét xử vào ngày 20/02/2024, chị P vẫn vắng mặt không lý do. Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của anh H, chị P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vào ngày 20/12/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi

kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2022 đến nay không hỏi han, chia sẻ với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc anh H đề nghị ly hôn nhưng chị P không đến Tòa án làm việc trình bày ý kiến và chị cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mỗi người sống một nơi. Như vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H, chị P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, xử cho anh được ly hôn chị P là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Vũ Văn H và chị Nguyễn Thị P có 02 con chung là Vũ Hà Phương T, sinh ngày 30/8/2015; Vũ Hà Anh T2, sinh ngày 09/11/2018 hiện đang ở cùng chị P. Ly hôn anh H đề nghị giao 02 con chung cho chị P nuôi dưỡng, anh H nhận cấp dưỡng nuôi 02 con chung cùng chị P là 4.000.000 đồng/02con/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2024 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Cháu T cũng có nguyện vọng được ở cùng chị P. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của chị P là chính đáng, chị P có công việc, thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi 02 con chung Vũ Hà Phương T, sinh ngày 30/8/2015; Vũ Hà Anh T2, sinh ngày 09/11/2018; anh H nhận cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/con/tháng; 2 con là 4.000.000 đồng/02con/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2024 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Vũ Văn H, chị Nguyễn Thị P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Vũ Văn H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị P.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi 02 con chung Vũ Hà Phương T, sinh ngày 30/8/2015; Vũ Hà Anh T2, sinh ngày 09/11/2018; anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/con/tháng; 2 con là 4.000.000 đồng/02con/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2024 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Vũ Văn H phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* anh H đã nộp theo Biên lai thu số 0005974 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Văn H và chị Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã A, huyện Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Nguyễn Quốc Doanh**